

Số: /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Tài chính đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 2026/QĐ-BTC ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 111/TTr-STC ngày 01 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Tài chính đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần, cụ thể:

1. Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 51 thủ tục.

2. Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần: 133 thủ tục.

(Phụ lục Danh mục TTHC đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai Danh mục thủ tục hành chính tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử, tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; tổ chức tiếp nhận, xử lý hồ sơ dịch vụ công trực tuyến (*toàn trình, một phần*) trên môi trường điện tử theo quy định; đồng thời, tiếp tục rà soát, thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu số hóa, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát cấu hình hệ thống đảm bảo việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến (*toàn trình, một phần*) được thông suốt, hiệu quả; thực hiện tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh. Sở Tài chính thực hiện nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, cung cấp mã số hồ sơ kiểm thử để Sở Khoa học và Công nghệ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch UBND các xã, phường; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Bộ Tài chính;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trường Sơn

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN
LÝ CỦA NGÀNH TÀI CHÍNH THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN
THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH

Số TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Số lượng TTHC	Ghi chú
I	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp		43 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp tỉnh			43 TTHC	
1	2.001610	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
2	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
3	2.001199	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
4	2.002043	Đăng ký thành lập công ty cổ phần		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
5	2.002042	Đăng ký thành lập công ty hợp danh		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
6	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, đăng ký đổi tên của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
7	2.002011	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh, đăng ký thay đổi thành viên công ty		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)

		trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên		https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/
8	2.002010	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
9	2.002009	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
10	1.005114	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
11	2.002000	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
12	2.001996	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
13	2.001993	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
14	2.002044	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông sáng lập, thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, thông tin để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (của công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán)		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
15	2.001954	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)

16	2.002069	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
17	2.002070	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
18	2.002031	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chuyển sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
19	2.002045	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
20	1.010026	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn là tổ chức, cổ đông là tổ chức nước ngoài		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
21	2.002085	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
22	2.002083	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
23	2.002059	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
24	2.002060	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ:

		hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)		https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/
25	2.002057	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
26	2.002034	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
27	2.002032	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
28	2.002033	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
29	2.002018	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
30	2.002017	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
31	2.002015	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
32	2.002029	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với doanh nghiệp, chi nhánh, địa điểm kinh doanh, thông báo tạm ngừng hoạt động, tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo đối với văn phòng đại diện		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
33	2.002023	Giải thể doanh nghiệp, giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

		đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án		ng nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
34	2.002020	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
35	2.002016	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp, hiệu đính thông tin trên Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh và các thông tin về đăng ký doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
36	2.000368	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
37	2.000416	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
38	2.000375	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
39	1.010029	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
40	1.010010	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
41	1.010023	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
42	1.005169	Đề nghị doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thay đổi tên doanh nghiệp		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)

				https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/
43	2.002008	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ là giả mạo		Trực tuyến trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (địa chỉ: https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/)
II Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa			01 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp tỉnh				
44	2.002005	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo		
III Lĩnh vực tín học - thống kê			01 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp tỉnh				
45	2.002206	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách		
IV Lĩnh vực Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)			05 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp xã			05 TTHC	
46	1.001612	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh		
47	2.000720	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh		
48	1.001570	Đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký của hộ kinh doanh		
49	2.000575	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh		
50	1.001266	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh		
V Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã			01 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp xã			01 TTHC	
51	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất		
TỔNG			51 TTHC	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN

Số TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Số lượng TTHC	Ghi chú
I Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa			06 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp tỉnh			06 TTHC	
1	2.000024	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo		

2	1.000016	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo		
3	2.000005	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo		
4	2.002004	Thông báo chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư		
5	2.001999	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp		
6	2.002418	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị		
II		Lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư	04 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp tỉnh			04 TTHC	
7	1.009491	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất		
8	1.009492	Thủ tục Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất		
9	1.009493	Thủ tục Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất		
10	1.009494	Thủ tục Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất		
III		Lĩnh vực đầu tư tại việt nam	46 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp tỉnh			46 TTHC	
11	1.009642	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh		
12	1.009644	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh		
13	1.009645	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh		
14	1.009646	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh		
15	1.009647	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh		
16	1.009649	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh		

17	1.009650	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh		
18	1.009652	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh		
19	1.009653	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh		
20	1.009654	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh		
21	1.009655	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh		
22	1.009656	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)		
23	1.009657	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)		
24	1.009659	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
25	1.009661	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
26	1.009662	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND		

		cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
27	1.009664	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư		
28	1.009665	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
29	1.009671	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
30	1.009729	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài		
31	1.009731	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC		
32	1.009736	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC		
33	1.009748	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu công nghiệp, Khu kinh tế
34	1.009756	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (Ban Quản lý).		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu công nghiệp, Khu kinh tế
35	1.009757	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Ban Quản lý).		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu công nghiệp, Khu kinh tế
36	1.009759	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý.		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu công nghiệp, Khu kinh tế
37	1.009760	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý.		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu công nghiệp, Khu kinh tế
38	1.009762	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý.		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu công nghiệp, Khu kinh tế
39	1.009763	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý.		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu công nghiệp, Khu kinh tế

40	1.009764	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý.		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu công nghiệp, Khu kinh tế
41	1.009765	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý.		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu công nghiệp, Khu kinh tế
42	1.009766	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý.		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu công nghiệp, Khu kinh tế
43	1.009767	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý.		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu công nghiệp, Khu kinh tế
44	1.009768	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu công nghiệp, Khu kinh tế
45	1.009769	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu công nghiệp, Khu kinh tế
46	1.009770	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý.		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu công nghiệp, Khu kinh tế
47	1.009771	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý.		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu công nghiệp, Khu kinh tế
48	1.009772	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu

				công nghiệp, Khu kinh tế
49	1.009774	Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Ban Quản lý).		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu công nghiệp, Khu kinh tế
50	1.009773	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Ban Quản lý).		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu công nghiệp, Khu kinh tế
51	1.009775	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài (Ban Quản lý).		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu công nghiệp, Khu kinh tế
52	1.009776	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (Ban Quản lý).		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu công nghiệp, Khu kinh tế
53	1.009777	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (Ban Quản lý).		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu công nghiệp, Khu kinh tế
54	2.002725	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu công nghiệp, Khu kinh tế
55	2.002726	Thủ tục điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu công nghiệp, Khu kinh tế
56	2.002727	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu công nghiệp, Khu kinh tế
IV	Lĩnh vực Quản lý nhà nước về khu công nghiệp, khu kinh tế		04 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp tỉnh			04 TTHC	
57	2.002728	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái.		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu công nghiệp, Khu kinh tế
58	2.002731	Thủ tục chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái.		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu công nghiệp, Khu kinh tế
59	2.002729	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái.		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu công nghiệp, Khu kinh tế
60	2.002732	Thủ tục chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái.		Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Các khu

				công nghiệp, Khu kinh tế
V	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức		01 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp tỉnh			01 TTHC	
61	2.002058	Xác nhận chuyên gia		
VI	Lĩnh vực thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100 phần trăm vốn điều lệ		05 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp tỉnh			05 TTHC	
62	2.000529	Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập		
63	2.001061	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý		
64	2.001025	Chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ 100 % vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý		
65	1.002395	Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)		
66	2.001021	Giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)		
VII	Lĩnh vực chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo luật doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại luật doanh nghiệp		03 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp tỉnh			03 TTHC	
67	2.002665	Chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (Cấp tỉnh)		
68	2.002666	Chuyển đổi công ty con chưa chuyển đổi thành công ty TNHH MTV (Cấp tỉnh)		
69	2.002667	Đăng ký lại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty nhà nước và công ty con chưa chuyển đổi (Cấp tỉnh)		
VIII	Lĩnh vực quản lý công sản		13 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp tỉnh			09 TTHC	

70	3.000257	Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước		
71	3.000291	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất		
72	3.000291	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất		
73	1.006221	Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp		Cơ quan thực hiện: Cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)
74	1.006222	Thủ tục giao quyền Sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ		Cơ quan thực hiện: Cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)
75	1.011769	Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng		Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch (Sở Nông nghiệp và Môi trường)
76	3.000256	Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật		Cơ quan thực hiện: Cơ quan nhận bàn giao hạ tầng kỹ thuật trong dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác
77	3.000328	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi		Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)
78	3.000324	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi		Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)
TTHC thực hiện ở cấp tỉnh, cấp xã			04 TTHC	
79	3.000410	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế		
80	3.000325	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi		
81	3.000326	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại		Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)

82	3.000327	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi		Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)
IX	Lĩnh vực bảo hiểm		04 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp tỉnh			03 TTHC	
83	1.010370	Chi trả phí bảo hiểm khai thác hải sản được ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các doanh nghiệp bảo hiểm		Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường
84	1.005411	Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp		Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về nông nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)
85	2.002169	Chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước		Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường
TTHC thực hiện ở cấp xã			01 TTHC	
86	1.005412	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp		Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về nông nghiệp (Sở Nông nghiệp và Môi trường)
X	Lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư		01 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp tỉnh			01 TTHC	
87	2.002603	Công bố dự án đầu tư kinh doanh (gồm dự án đầu tư có sử dụng đất) đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất		Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công thương, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
XI	Lĩnh vực Tài chính ngân hàng		01 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp tỉnh			01 TTHC	
88	3.000161	Thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định tại Khoản 3 Điều 4, Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.		Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng
XII	Lĩnh vực Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước		02 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp tỉnh, cấp xã			02 TTHC	

89	1.013040	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải		Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND cấp phường, xã
90	1.008603	Thủ tục kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải		Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND cấp phường, xã
XIII	Lĩnh vực Thuế		05 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp tỉnh			05 TTHC	
91	3.000251	Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp		Cơ quan thực hiện: Các đơn vị đăng kiểm
92	3.000252	Xác định xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên		Cơ quan thực hiện: Các đơn vị đăng kiểm
93	3.000253	Cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ		Cơ quan thực hiện: Các đơn vị đăng kiểm
94	3.000254	Đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu		Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng
95	3.000255	Xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ		Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng
XIV	Lĩnh vực hải quan		01 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp tỉnh			01 TTHC	
96	1.011729	Thủ tục xác nhận vật tư, thiết bị là hàng hóa nhập khẩu phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung nhẹ và sản xuất gạch xi măng - cốt liệu công suất từ 10 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên thuộc Nhóm 98.22.		Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng
XV	Lĩnh vực quản lý giá		02 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp tỉnh			02 TTHC	
97	1.012735	Hiệp thương giá		Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế, Sở Công thương, Sở Tư pháp, Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của sản phẩm, dịch vụ công
98	1.012744	Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân		Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế, Sở Công thương, Sở Tư pháp, Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của

				sản phẩm, dịch vụ công
XVI	Lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn		02 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp tỉnh			02 TTHC	
99	2.000765	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ (Cấp tỉnh)		
100	2.000746	Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ (cấp tỉnh)		Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường
XVII	Lĩnh vực Tài chính đất đai		03 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp tỉnh, cấp xã			03 TTHC	
101	1.012994	Thủ tục khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư		Văn phòng đăng ký đất đai hoặc cơ quan có chức năng quản lý đất đai
102	1.012995	Thủ tục ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư		Văn phòng đăng ký đất đai hoặc cơ quan có chức năng quản lý đất đai
103	1.012996	Thủ tục thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ.		Văn phòng đăng ký đất đai hoặc cơ quan có chức năng quản lý đất đai
XVIII	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)		02 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp xã			02 TTHC	
104	1.014034	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh		
105	1.014035	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh		
XIX	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		25 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp xã			25 TTHC	
106	2.002635	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.		
107	2.002636	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo.		
108	2.002637	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo		

		quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023		
109	2.002638	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy		
110	2.002639	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;		
111	2.002640	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác		
112	2.002641	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác		
113	2.002642	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác		
114	2.002643	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
115	2.002644	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác		
116	2.002645	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
117	2.002646	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài		
118	2.002648	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
119	2.002649	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
120	2.002650	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
121	2.002123	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh		
122	1.005277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập		
123	1.004901	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
124	1.004979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập		
125	2.001958	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
126	1.005378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
127	1.005377	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh		
128	2.001973	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi		

		nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
129	1.004982	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
130	1.005010	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
XX	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác		02 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp xã			02 TTHC	
131	2.002226	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác		
132	2.002228	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác		
XXI	Lĩnh vực Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		01 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp xã			01 TTHC	
133	2.002668	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
TỔNG			133 TTHC	